

HỌC VIỆN THÁNH GIUSE - DÒNG TÊN VIỆT NAM

Bộ môn: Linh Đạo Nhập Thể Trong Các Thánh Vịnh  
Giáo sư hướng dẫn: Sr. Maria Võ Diễm Trinh F.M.A.

**Sợ Thiên Chúa Bỏ Rơi**  
**Khiến Nói Khích Cả Thiên Chúa**  
Phân tích Tv 88:10b-13

Học viên thực hiện  
Giu-se Nguyễn Văn Đức, S.J.  
Email: [vanducsj@gmail.com](mailto:vanducsj@gmail.com)

Tháng 1 năm 2021

## Mục Lục

Dẫn Nhập .....	1
I. Bản văn và thể văn.....	1
1. Bản văn .....	1
2. Thể Văn.....	3
II. Sứ Điệp Thần Học.....	5
3. Thiên Chúa là nguyên nhân gây đau khổ.....	5
4. Sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi khiến “nói khích” cả Thiên Chúa .....	7
1. Câu 10b: Nỗi sợ trở thành lời kinh nguyện liên li .....	7
2. Câu 11: Nỗi sợ dẫn đến việc chất vấn quyền năng của Thiên Chúa.....	8
3. Câu 12: Nỗi sợ dẫn đến chất vấn về tình thương của Thiên Chúa.....	9
4. Câu 13: Nỗi sợ dẫn đến chất vấn lòng chính trực của Thiên Chúa.....	10
III. Lời Mời Gọi Sống.....	11
1. Ki-tô học – “Đức Ki-tô kinh nghiệm bị Chúa Cha bỏ rơi” .....	12
2. Thánh mẫu học – “Đức Maria trong kinh nghiệm sợ lạc mất Chúa” .....	12
3. Nhân học Ki-tô giáo: Con người sợ hãi khi đối diện với cái chết .....	13
Thư Mục Tham Khảo.....	16
Phụ lục .....	17

## Dẫn Nhập

Trong thời Cựu Ước, người Do thái đã tin rằng Thiên Chúa là một Đấng thưởng phạt con người tùy theo công trạng hay lỗi lầm của họ. Nên họ vừa tôn thờ Thiên Chúa nhưng cũng vừa sợ hãi Đấng họ tôn thờ, bởi vì họ cho rằng Thiên Chúa chính là nguyên nhân gây ra đau khổ.<sup>1</sup> Sách các Thánh Vịnh dành một vài chương<sup>2</sup> để diễn tả tư tưởng này. Đặc biệt, Tv 88 được coi như là một cuộc đối thoại của người Do thái với Thiên Chúa của họ về sự đau khổ. Cuộc đối thoại này được đẩy tới cao trào bằng những lời chất vấn của vịnh gia dành cho Thiên Chúa rằng, tại sao Ngài lại để cho mình phải gánh chịu quá nhiều đau khổ? Cao trào của lời chất vấn ấy đã thúc đẩy người viết tìm hiểu sâu hơn mối tương quan giữa con người với Thiên Chúa qua chủ đề “Sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi khiến “nói khích” cả Thiên Chúa.”

### I. Bản văn và thể văn

#### 1. Bản văn

Tv 88 thuộc thể loại văn chương ai ca cá nhân, vốn diễn tả lời than thở của một người đã và đang phải chịu đựng sự đau khổ suốt cả cuộc đời.<sup>3</sup> Nguyên nhân khiến vịnh gia phải than vãn và kêu cầu Thiên Chúa có lẽ là vì một căn bệnh hoặc một điều tội tệ nào đó tương tự

---

1. Đặc biệt chủ đề thần học này được nhắc đến nhiều trong sách Ngũ Thư và được tranh luận nhiều trong văn chương khôn ngoan. Xem thêm tại <https://sjs.edu.vn/su-phat-trien-ve-quan-niem-thuong-phat-trong-truyen-thong-khon-ngoan-do-thai/>

2. Tv 18:21; 24:5; 58:12 và 62:13.

3. Tv 88 thuộc thể loại ai ca cá nhân nội dung nhắc nhiều đến sự xa lánh của những người thân hay quen. Những hành động mà kẻ thù hay làm lại được qui về Thiên Chúa (TC). Ngoài ra, Tv này còn dùng hình ảnh âm ty hay âm phủ (*Sheol*) để nói về tình trạng của bệnh nhân. Đây là cách nói thông thường của văn hóa Do-thái vốn coi bệnh tật là như là một dấu hiệu của (*Sheol*) trong cuộc sống, một tình trạng của sự chết (x. John Day, *Psalms* (New York: T&T Clark, 1999), 19-27).

khiến vịnh gia cảm thấy đau buồn và cô đơn như thể bị bạn bè bỏ rơi.<sup>4</sup> Toàn bộ Tv 88 như là một lời kêu xin tha thiết mà vịnh gia dâng lên Thiên Chúa xin Ngài cứu mình khỏi cái chết.

Tv 88 được đặt ở cuối phần thứ III của các thánh vịnh 73-89 và nằm giữa Tv 87 và Tv 89. James Limburg cho rằng vị trí Tv 88 khá đặc biệt vì nó diễn đạt cảm xúc trái ngược hoàn toàn với Tv 87. Trong khi Tv 87 nói về niềm vui<sup>5</sup> thì Tv 88 lại diễn tả sự ám ảnh bởi nỗi cô đơn và sầu não.<sup>6</sup> Hơn nữa, Tv 89 theo sau Tv 88 ca ngợi lòng nhân nghĩa của Thiên Chúa đối với nhà Đa-vít và khẳng định rằng Chúa không thất tín bao giờ. Trong khi đó, Tv 88 lại diễn tả một khung cảnh bi đát đầy tuyệt vọng và tăm tối. Như vậy, Tv 88 không nằm trong một trật tự cảm xúc nối liền giữa Tv 87 và Tv 89, nhưng là một Tv đứt gãy về cảm xúc như là một vực thẳm với những tình trạng khủng hoảng, hoang mang, cô đơn và tuyệt vọng của vịnh gia.

Thật khó biết chính xác Tv 88 được viết năm nào, tuy nhiên lời khai mở, “Lạy TC là Đấng Cứu Độ con” mà vịnh gia sử dụng, hé lộ Tv này có thể có liên hệ đến sách Gióp. Như vậy, Tv 88 có thể được viết trong hoặc sau thời lưu đày vào khoảng năm 598-587 TCN.<sup>7</sup>

Khi so sánh các bản dịch Tv 88 của KPA, KPB, NIV, Cha Thuấn<sup>8</sup> với bản gốc tiếng Do-thái<sup>9</sup>, ngay ở câu thứ hai đã cho thấy có nhiều sự khác biệt. Trong đó, chi tiết giúp nhận ra

---

4. Allen P. Ross, *A Commentary on the Psalms* (Grand Rapids: Kregel Publications, 2016), 805-807.

5. Tv 87 diễn tả niềm vui của dân Si-on, họ nhảy múa và ca hát vì được Đức Chúa đối xử ưu ái hơn mọi dân tộc khác.

6. James Limburg, *Psalms* (Louisville: Westminster John Knox Press, 2000), 297-298.

7. Năm 598 TCN, vua Na-bu-cô-đô-no-so đã bắt vua Giu-đa và một số người ưu tú sang Ba-by-lon. Đến năm 587 TCN, Na-bu-cô-đô-no-so phá hủy bình địa Giê-ru-sa-lem và đền thờ, bắt nhiều người đi lưu đày sang Ba-by-lon. X. F-L Hossfeld and E Zenger, *Psalms 2: A Commentary on Psalms 51-100*, Second edition, edited by Baltzer, K. and translated by Maloney, (Minneapolis: Fortress Press, 2005), 391.

8. Xem phụ lục.

9. <https://biblehub.com/interlinear/psalms/88.htm>

bản dịch nào sát nghĩa với bản văn tiếng Do-thái nhất chính là từ ngữ “ngày”, “đêm” hay “ngày đêm.” Ở đây, bản KPA và NIV thì sử dụng “ngày” và “đêm” đi chung với nhau, trong khi bản cha Thuấn thì chỉ có “đêm” mà không có “ngày” còn bản KPB dịch sát với bản văn tiếng Do-thái nhất khi “ngày” và “đêm” đứng ở hai vị trí độc lập với sắc thái biểu cảm riêng. “Lạy ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cứu độ con, **ban ngày** con kêu cứu, **ban đêm** ở trước Ngài.” Ban ngày vịnh gia có hành động ồn ào qua việc kêu cầu, nhưng ban đêm lại nhường chỗ cho sự thinh lặng và hiện diện “ở trước” Thiên Chúa. Sự đối lập này cho thấy ý nghĩa của hai từ “ngày” và “đêm” thật quan trọng đối với cuộc sống của vịnh gia. Các bản dịch không nên gộp chúng lại hay bỏ bớt một trong hai ý nghĩa này. Như vậy, KPB hẳn là bản dịch phù hợp và khả tín hơn các bản dịch khác để người viết sử dụng trong việc phân tích Tv 88.

## 2. Thể Văn

Bố cục thông thường của các Tv ai ca cá nhân gồm các phần: (a) Thừa với TC; (b) Lời than trách; (c) Lời cầu xin; (d) Lời thúc đẩy; (e) Lời cam kết, chúc tụng, ngợi khen hay khẳng định sự tin tưởng. Tuy nhiên, Tv 88 khuyết phần (d) và (e). Nó được kết thúc cách khó hiểu: “Ngài đã làm cho người yêu và người bạn xa lánh con; những kẻ biết con là nơi tôi tằm” (c.19). Với câu kết này, có vẻ như vịnh gia cảm thấy bế tắc trong hoàn cảnh của mình.<sup>10</sup>

Có nhiều cách phân chia cấu trúc Tv 88.<sup>11</sup> Hầu hết các tác giả đều dựa vào nội dung của Tv 88 để phân đoạn cho bản văn, tuy nhiên khi đọc kỹ người viết nhận ra cấu trúc của Tv

---

10. X. J. M Boice, *Psalms* (Grand Rapids: Baker Books, 2005), 715.

11. Chẳng hạn như Hoàng Đắc Ánh và Trần Phúc Nhân chia nhỏ Tv này thành 6 phần: (a) Cc 2-3: Mở: Kêu cầu Chúa. (b) Cc 4-6: Tình trạng của tác giả. (c) Cc 7-10a: Ngay cả Chúa cũng hành hạ tôi. (d) Cc 10b-13: Kêu xin Chúa can thiệp. (e) Cc 14-17: Đợi Chúa đáp lời. (f) C18: Kết rằng tất cả là đen tối (x. Hoàng Đắc Ánh và Trần Phúc Nhân, *Như Hương Trầm* (HCM: Tủ sách Đại Kết, 1997), 88-89).

Trong khi đó CGKPV chia Tv 88 thành 4 phần: (1) Cc 1-3: Lời kêu cứu, (2) Cc 4-10: Mô tả nỗi đau cùng cực, (3) Cc 11-13: Những lý do khiến Chúa không nên để cho tác giả đi vào cõi chết, (4) Cc 14-19: Lời cầu xin được lập lại (x. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, 1215).

Tác giả Allen Ross chia Tv 88 thành 2 phần chính: (1) Cc 1-9a: Vịnh gia kêu cầu Đức Chúa giải thoát khỏi cơn thịnh nộ của Ngài đang khiến ông cảm thấy cô đơn và bị bỏ rơi giống như người chết. (2) Cc 9b-18: Vịnh gia tiếp tục cầu xin cho sự giải thoát khỏi sự tàn

88 tương đối mạch lạc. Có hai yếu tố có thể giúp nhận ra cấu trúc đặc biệt này. Trước hết, mở đầu mỗi phần đều diễn tả lời kêu cầu của vịnh gia với các động từ gần nghĩa קָרָא (kêu la, khóc) (c.2), קָרָא (kêu, gọi) (c.10), שָׁוַע (kêu cứu) (c.14). Thứ đến, sau mỗi lời kêu cầu vịnh gia giải bày tình trạng khủng hoảng của mình qua những cách diễn tả khác nhau. Các biện pháp tu từ được sử dụng khá trật tự giúp các câu liên kết chặt chẽ với nhau trong cùng một phần. Tác giả E. Zenger cũng áp dụng cách này để chia Tv 88 làm 3 phần: (1) Cc 2-10a: Lời kêu cầu (2-3) và mô tả về cuộc khủng hoảng đầu tiên (4-10a); (2) Cc 10b-13: Lời kêu cầu (10b) và các câu hỏi tu từ đặt vấn đề cho Thiên Chúa (11-13); (3) Cc 14-19: Lời kêu cầu (14) và mô tả về cuộc khủng hoảng thứ hai.<sup>12</sup>

Có thể nhận ra cấu trúc của Tv 88 thuộc kiểu cấu trúc đồng tâm đối xứng. Ở phần đầu, vịnh gia miêu tả mình như người đang cận kề cái chết và bị bạn bè xa lánh. Các cụm từ đồng nghĩa như “tử thi, người chết”, “âm phủ, huyết sâu, chốn tối tăm, vực thẳm” cho thấy các câu có liên hệ chặt chẽ với nhau vì làm nổi bật cùng một chủ đề trong phân đoạn. Ở phần thứ ba, vịnh gia không còn nhắc đến các hình ảnh tử thi hay âm phủ nữa, nhưng chuyển sang miêu tả việc vịnh gia đã phải chịu đựng những nỗi kinh hoàng của Thiên Chúa từ thuở thanh xuân và nỗi cô đơn đến tột cùng đến nỗi chỉ có tối tăm làm bầu bạn. Có thể thấy phần thứ nhất và phần thứ ba đối xứng với nhau hẳn để làm nổi bật phần thứ hai như là phần trung tâm của Tv 88. Tại tâm điểm này, vịnh gia dùng 3 câu hỏi tu từ liên tiếp để đặt vấn đề với Thiên Chúa (Cc 11-13). Cả ba câu hỏi này cùng xoay vào vấn đề nếu Chúa để vịnh gia sống trong âm phủ thì sẽ không có ai ca ngợi Ngài. Vịnh gia đưa ra các lý do có vẻ rất “hợp tình hợp lý”,

---

phá của bóng tối vì ông không thể ca tụng Chúa nếu ông chết (x. Allen P. Ross, *A Commentary on the Psalms*, 805-807).

Còn tác giả Samuel Terrien thì chia Tv 88 thành 3 phần: (1) Cc 1-8: Sự xa cách và phần nộ của TC, (2) Cc 9-11: Sự cô đơn của cái chết, (3) Cc 12-19: Sự tước đoạt của Thiên Chúa (x. Samuel Terrien, *The Psalms: Strophic Structure and Theological Commentary*, 626).

12. X. F-L Hossfeld and E Zenger, *ibid.*, 391.

cộng thêm lối nói mỉa mai nhằm nói “mock” (khiêu khích) Thiên Chúa vì phần ích lợi của Ngài mà mong Ngài xét lại, và đừng để cho vịnh gia phải chết hay rơi vào sự lãng quên.

Dựa vào những yếu tố ấy, người viết cho rằng Tv 88 được sắp đặt theo cấu trúc đồng tâm đối xứng. Trong phần tìm sứ điệp thần học, người viết sẽ tập trung phân tích phần trung tâm (Cc 10b-13) để làm nổi bật chủ đề “sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi nên vịnh gia “nói khích” luôn cả Thiên Chúa.”

## II. Sứ Điệp Thần Học

### 3. Thiên Chúa là nguyên nhân gây đau khổ.

Quan niệm về một Thiên Chúa thưởng phạt dường như ảnh hưởng sâu đậm lên toàn bộ nội dung Tv 88 khi vịnh gia khẳng định “Thiên Chúa chính là nguyên nhân gây đau khổ” (Cc. 7-9, 17-19). Bởi đó, Tv 88 dường như đã trình bày một hình ảnh về Thiên Chúa “xa” với Tin Mừng.

Trước tiên, qua lời than thở vịnh gia cho thấy ông là một người rất đau khổ và Thiên Chúa chính là nguyên nhân làm cho ông đau khổ. Các cụm từ “...con lôi đình của Ngài (c.8), Ngài đặt con...(c. 7-9), Ngài làm cho...(c.9, 19), cơn giận của Ngài... nổi kinh hoàng của Ngài (c.17)” cho thấy sự chủ động của Thiên Chúa trong việc làm cho vịnh gia đau khổ. Ngược lại, các cụm từ “con được kể...(c.5), con bị giam cầm... (c.9)...” diễn tả sự bị động và bất lực của vịnh gia khi đứng trước các cuộc khủng hoảng. Tuy nhiên, ông vẫn tin vào Thiên Chúa rằng Đấng đã làm ra đau khổ cũng là Đấng sẽ cứu vớt và giải thoát ông khỏi khổ đau. Ở đây, với sự quy gán nguyên nhân đau khổ đến từ Thiên Chúa, vịnh gia đã diễn tả về Thiên Chúa “như nhân”, có những cảm xúc như con người: giận, ghét, phạt, thưởng.

Tiếp theo, vịnh gia cũng đã dùng lối nói thậm xưng để diễn tả nỗi đau khổ cùng cực của mình như “đầy ứ đau khổ, âm phủ gần kề.” Bên cạnh đó vịnh gia sử dụng phép biện ngẫu song đối “hồn con/ mạng sống con; âm phủ gần kề/ kẻ xuống mồ; người chết / tử thi” và biện ngẫu tam đối “Huyết sâu/ chôn tôi tằm/ vực thẳm; Xa lánh/ ghê tởm/ bị giam cầm” để làm nổi

bật tai họa liên tục đổ xuống trên mình. Đáng chú ý là vịnh gia sử dụng nhiều các từ liên quan đến “âm phủ” như “huyệt sâu, chôn tối tăm, vực thẳm” cho thấy quan niệm về thế giới của người chết đã được hình thành khá rõ ràng trong thế giới quan của người Do thái. Có lẽ người Do thái thời đó quan niệm chết là hết. Họ nhìn cái chết một cách cay đắng và là một điều không ai tránh khỏi. Người chết không còn được ai “nhớ” tới và “bị cắt đứt khỏi tay” Thiên Chúa. Do đó, vịnh gia nghĩ rằng Thiên Chúa đã bỏ mặc người chết trong âm phủ và Ngài không còn có một chút tương quan nào với họ nữa.

Tuy nhiên, Tv 88 cũng có những giá trị “gần” với giá trị của Tin Mừng. Dù chịu nhiều đau khổ, vịnh gia vẫn kiên trì tha thiết nài xin và tin tưởng vào TC. Đặc biệt, trong toàn bộ Tv vịnh gia kể về nỗi đau khổ mà không xuất hiện bóng dáng của tội lỗi. Có thể thấy vịnh gia là đại diện của những người công chính mà vẫn phải chịu đau khổ. Phải chăng vịnh gia đang đề cao một cách nào đó giá trị của màu nhiệm thập giá trong cuộc sống hàng ngày.<sup>13</sup>

---

13. Hơn nữa, khi so sánh Tv 88 với sách Ngôn sứ Isaia và Gióp, Tv 88 này có liên hệ đến những ý thần học sau:

Thứ nhất, khi liên hệ Tv 88 với Is 53 - Bài ca thứ tư và cuối cùng về người Tôi Trung của TC - (Is 42:1-7 ; Is 49:1-6 ; Is 50:4-9 ; 52:13 – 53:12) ta có thể rút ra những suy nghĩ: Trong Bài ca thứ tư, TC cho biết lý do (đúng) tại sao người Tôi Trung phải chịu đau khổ: (1) để gánh chịu hình phạt cho nhân loại, và (2) để đạt được vinh quang tuyệt đỉnh. Đồng thời, TC cho thấy con người đã hiểu sai về người Tôi Trung đau khổ: “Còn chúng ta, chúng ta lại tưởng người bị phạt, bị TC giáng họa, phải nhục nhã ê chề.”

Thứ hai, khi liên hệ Tv 88 với sách Gióp, chúng ta có thể hiểu hơn về Tv này. Quả thật, thời sách Gióp xuất hiện, quan niệm về thưởng phạt cá nhân ở đời sau nơi dân Ít-ra-en chưa được minh bạch. Quan niệm về tình trạng con người sau khi chết rất mơ hồ. Cái chết đến bất chợt và có một lần, nên người ta không biến mất hoàn toàn. Sau khi chết, người ta xuống âm phủ (*Shéol*) để sống buồn thảm. Trong nơi cư trú tối tăm này, tất cả mọi người đều như nhau, giàu hay nghèo, lương thiện hay bất lương. Do đó ý niệm về thưởng phạt hoàn toàn theo viển tượng cuộc sống tại thế. Kẻ tội lỗi gánh chịu hậu quả việc làm bất chính của mình là đau khổ.

Sách Gióp đã khai phá một con đường dẫn đưa người ta đi xa hơn quan niệm thưởng phạt đời này. Nhân vật Gióp là một kiểu mẫu cho những ai chịu thử thách đau khổ. Dù đón đau trong tinh thần (con cái chết, bị vợ bỏ, bạn bè khinh), nơi thể xác (ghê lở hôi thối, gầy gò, mất hết tài sản), ông Gióp vẫn yêu mến trung thành phụng thờ TC, không dám oán trách TC. Ông quả quyết mình vô tội, vì ông là người ngay thẳng, vẹn toàn, kính sợ TC. Có công chính như vậy, ông mới chịu đựng nỗi thử thách. TC tín nhiệm ông Gióp là kẻ phụng thờ Người, nên Người đã để cho Xa-tan hành hạ ông. Cuối cùng, câu trả lời cho vấn nạn “TC có công bình không ?” đã được giải đáp : TC hành động theo ý của Người, chứ không theo ý của phàm nhân (x. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011, ibid., 1045*).



#### 4. Sợ bị Thiên Chúa bỏ rơi khiến “nói khích” cả Thiên Chúa

Cấu trúc đồng tâm đối xứng của Tv 88 phân tâm điểm (10b-13) trở thành phần cao trào và thú vị nhất. Một điều đáng lưu ý nữa là nội dung câu 12 cũng là tâm điểm của các câu 11 và 13, làm nổi bật thêm chủ đề vịnh gia cả gan nói khích cả Thiên Chúa. Liệu rằng việc vịnh gia nói khích Thiên Chúa là sự vô lễ hay chỉ là lối bộc lộ cảm xúc đơn sơ chân thành? Ở phần dưới đây, người viết sẽ tập trung phân tích kỹ và tìm hiểu xem liệu vịnh gia có thực sự giữ cho mình quan niệm truyền thống về một Thiên Chúa thưởng phạt nữa hay không?

##### 1. Câu 10b: Nỗi sợ trở thành lời kinh nguyện liên lỉ

Lạy Đức Chúa, suốt cả ngày con kêu lên Ngài,  
và giơ đôi bàn tay con hướng về Ngài.

— Tv 88:10b

Trạng từ כל יום nghĩa là “suốt cả ngày” cho thấy vịnh gia dành trọn thời gian cho việc kêu lên Thiên Chúa mà không ngưng nghỉ. Đây chính là thái độ của người kiên trì cầu nguyện cho dù cuộc sống của vịnh gia còn nhiều điều khác phải làm. Động từ קָרָא – *to call* “kêu lên” vừa muốn gây chú ý với Thiên Chúa, vừa khản nài và trông mong sự đoái nhìn của Thiên Chúa. Hai từ gần nghĩa với động từ này xuất hiện ở cc. 2 và 14 là tiếng kêu cùng với sự khóc than<sup>14</sup> trong khi đó קָרָא trong câu 10b lại là tiếng kêu không có nước mắt. Có thể hiểu được rằng, vịnh gia đã lau nước mắt và can đảm kêu lên với Thiên Chúa. Sự chuyển biến tâm trạng này của vịnh gia thật đáng lưu ý. Nó cho thấy vịnh gia giờ đây không còn sợ hãi một Thiên Chúa thưởng phạt nữa nhưng ông đã có dấu hiệu được củng cố và lấy lại sự tự tin để chuẩn bị cho cuộc đối thoại với Thiên Chúa như là một người bạn gần gũi.

Động từ נָשַׁח – *to spread* “giơ đôi bàn tay” củng cố cho giả thiết vừa nêu. Hành vi đưa tay ra như là một cách vịnh gia không còn phòng thủ, nhưng đúng hơn là một cử chỉ cầu

---

14. קָרָא - *a ringing cry* (c.2) và נָשַׁח – *cry out for help* (c.14).

mong hòa bình, muốn mở lòng gặp gỡ đối tượng mà vịnh gia đang hướng tới.<sup>15</sup> Qua đó, vịnh gia muốn dâng lên Chúa những tâm tình đang chất chứa trong tâm hồn. Nó cũng là hình ảnh một đứa con giơ tay hướng về cha mẹ mỗi khi nó cần đến sự che chở của các ngài. Quả thật, nếu như Thiên Chúa là một người Cha nhân từ thì hãy nhận lời vịnh gia vì ông xem mình như một đứa trẻ thơ hàng ngày đang thành tâm kêu xin sự cứu giúp của Thiên Chúa. Tuy nhiên, các câu 11-13 cho thấy vịnh gia có vẻ rất “lém” khi dám cả gan “chất vấn” hay nói “mock” cả Thiên Chúa. Vịnh gia bộc lộ tâm tình nguyện xin bằng ba câu hỏi tu từ liên tiếp nhau.

## 2. Câu 11: Nỗi sợ dẫn đến việc chất vấn quyền năng của Thiên Chúa

Phải chăng Ngài sẽ làm điều kỳ diệu cho những người chết,  
hay những âm hồn sẽ trỗi dậy để ngợi khen Ngài ? Ngung.

— Tv 88:11

Xét về thủ pháp nghệ thuật, câu này sử dụng biện pháp biện ngẫu song đối: “làm điều kỳ diệu” là của Thiên Chúa và “ngợi khen” là của con người. Đây là hai hành động chỉ rõ tương quan qua lại giữa Thiên Chúa và con người. Trong cách diễn tả thông thường hai vế nên được nối với nhau bằng cụm từ “người sống.” Bởi vì chỉ có người sống mới được thụ hưởng điều kỳ diệu Thiên Chúa làm cho họ, và đối lại họ sẽ đáp lại bằng hành động ngợi khen Thiên Chúa của mình. Tuy nhiên, vịnh gia lại nối hai vế này bằng cụm danh từ *תמת* – *the die*: người chết và *אפיק* – *ghosts*: âm hồn. Biện pháp tu từ này cho thấy sự nghịch lý mà vịnh gia muốn thừa lên nhằm nói “mock” Thiên Chúa rằng Ngài đừng quên chỉ có người sống mới biết ngợi khen Ngài. Vì thế, nếu Ngài muốn con ngợi khen Ngài thì xin Ngài hãy để cho con sống. Mặt khác, theo mạch văn thì cụm từ “điều kỳ diệu” Thiên Chúa làm chính là việc Ngài làm cho người chết “trỗi dậy” để họ sống mà ca ngợi Ngài. Trong cách nói “mock” đầy mỉa mai này vịnh gia cho thấy quan điểm thần học thời đó chưa có niềm tin vào việc Thiên Chúa

---

15. Đây cũng là tư thế cầu nguyện quen thuộc của người Do-thái khi cầu nguyện, người ta đứng và giơ đôi tay về phía trước.

làm cho kẻ chết sống lại. Do vậy, bằng lối nói “mock”, vịnh gia nhấn mạnh đến lòng muốn (đến nỗi nài xin) Thiên Chúa hãy để cho ông được sống dồi dào và triển nở chứ không phải là một người sống vật vờ như người đã chết.

### 3. Câu 12: Nỗi sợ dẫn đến chất vấn về tình thương của Thiên Chúa

Người ta có kể về tình thương của Ngài trong mồ mả,  
và lòng thành tín của Ngài trong cõi âm ty không ?

— Tv 88:12

Vịnh gia tiếp tục sử dụng biện ngẫu song đối רַחֲמֵיךָ- *Your lovingkindness*: tình thương của Ngài và אֱמוּנָתְךָ-*Your faithfulness*: lòng thành tín của Ngài để nói về chính căn tính của Thiên Chúa.<sup>16</sup> Đây chính là hai đặc tính mà con người sẽ sử dụng trong lời “kể” của mình để “ngợi khen” Thiên Chúa. Vịnh gia sử dụng động từ סָפַר – *recoun*: kể lại, cho thấy ông luôn nhớ đến từng điều kỳ diệu mà Thiên Chúa đã làm cho ông. Tuy nhiên, vịnh gia lại đặt ra vấn đề liệu rằng ở “trong mồ mả” và “cõi âm ty” thì người chết có kể lên những điều đáng ca ngợi đó nơi Thiên Chúa nữa hay không? Bởi vì, “mồ mả” (קֶבֶר: *a grave*: mồ mả) hay “cõi âm ty” (מְבִדֵּה: *place of destruction* – nơi bị phá hủy) không phải là chỗ hạnh phúc và thiếu vắng sự hiện diện của Thiên Chúa, trái lại đó lại là nơi có nhiều khổ đau và bị lãng quên.<sup>17</sup> Nói cách khác, người sống trong đau khổ hay người chết trong âm phủ làm sao có thể kể về những điều tốt lành của Thiên Chúa được, bởi vì “ca ngợi” không tương hợp với tình cảnh của người đau khổ hay người chết. Cho dù người chết cất lên lời ngợi khen đó thì liệu có ai

---

16. Danh từ “tình thương” (*hesed*) và “lòng thành tín” (*’emet*) vốn đã từng xuất hiện ở Tv 85:11: “Tình thương và lòng thành tín đã hội ngộ, sự công chính và hoà bình đã hôn nhau” xuất hiện lại trong c. 12 này. Ngoài ra, ý tưởng về “lòng thành tín” của TC và “âm phủ” hay “âm ty” còn được gặp thấy trong Tv 30:10: “Lợi ích gì với máu của con, với việc con xuống mồ ? Phải chăng bụi đất sẽ ngợi khen Ngài, sẽ loan báo lòng thành tín của Ngài ?”

17. Danh từ “mồ mả” và “cõi âm ty” (*’abaddôn*) được dịch theo nhiều cách là “cõi diệt vong”, “nơi hư hỏng”, “vực thẳm”. Từ “*’abaddôn*” vốn được sử dụng trong cách sách G 26:6 ; 28:22 ; 31:12 ; Cn 15:11 ; 27:20 ; Kh 9:11, đồng nghĩa với “âm ty” hay “âm phủ” (*šə’ôl*). X. *Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*, *ibid.*, 1215.

muốn lắng nghe và liệu Thiên Chúa có đoái đến chăng. Những lời “ngợi khen” Thiên Chúa xem ra chẳng có ích gì nếu chúng được cất lên nơi âm phủ.<sup>18</sup> Bởi đó, vịnh gia muốn Thiên Chúa giải cứu ông khỏi cõi diệt vong của âm phủ, để ông có thể kể lại “tình thương và lòng thành tín” của Ngài và ca ngợi Ngài ở chốn dương gian và giữa những người còn đang sống (x. Tv 117).

Vịnh gia xác tín rằng chỉ có người đang sống mới có thể kể về “tình thương” và “lòng thành tín” của Thiên Chúa. Nói một cách khác người thực sự sống là người biết ngợi khen Thiên Chúa. Để “gia cố” vững chắc hơn cho lập luận của mình, vịnh gia tiếp tục thêm câu hỏi tu từ thứ ba.

#### 4. Câu 13: Nỗi sợ dẫn đến chất vấn lòng chính trực của Thiên Chúa

Người ta có biết việc kỳ diệu của Ngài trong bóng tối,  
và sự chính trực của Ngài trong miền đất quên lãng ?

— Tv 88:13

Danh từ “việc kỳ diệu” xuất hiện lần thứ hai trong Tv này tạo một thể đối xứng giữa câu 13 với câu 11 với tâm điểm là câu 12. Tuy nhiên điều khác biệt với câu trên là “việc kỳ diệu” được đặt song đối với “sự chính trực”  $\pi\epsilon\pi\tau\epsilon\tau\epsilon$  - *Your righteousness*. Ở đây, vịnh gia đã kể

---

18. Quả thật, người Do-thái quan niệm rằng: Thứ nhất, người chết quên hết mọi sự hoặc chẳng còn hay biết biết gì, ví dụ ông Gióp nói với TC rằng nếu như Ngài giấu ông trong âm phủ thì “Con cái nó có được về vang rạng rỡ, nó cũng chẳng hay ; chúng có bị khinh khi miệt thị, nó nào có biết !” (G 14:21) hoặc sách Giảng viên có chép “Người sống ít ra cũng biết mình sẽ chết, còn người chết chẳng biết gì cả ; họ đâu còn được hưởng điều gì, vì đã bị rơi vào quên lãng. Bao yêu thương, oán hờn, ganh tị của họ đã tiêu tan cả rồi, và muôn đời họ sẽ không được dự phần vào bất cứ chuyện gì xảy ra dưới ánh mặt trời nữa... Những gì trong tầm tay, bạn hãy ra sức làm, vì trong cõi âm ty, nơi bạn đang đi tới, không còn hoạt động, không còn dự tính, chẳng còn hiểu biết, chẳng còn khôn ngoan.(Gv 9:5.10). Thứ hai, người chết không thể ca ngợi TC, ví dụ Tv 30:10 viết : “Lợi ích gì với máu của con, với việc con xuống mồ ? Phải chăng bụi đất sẽ ngợi khen Ngài, sẽ loan báo lòng thành tín của Ngài ?” hoặc Is 38:18 nói: “Vi ở chốn tử vong, không người ca tụng Chúa, và trong nơi âm phủ, chẳng ai ngợi khen Ngài. Kẻ xuống mồ cũng dứt niềm trông cậy vào lòng Chúa tín trung.” Hay Hc 17:27-28 trình bày : “Trong âm phủ, ai nào ca ngợi Đấng Tối Cao, nếu những kẻ đang sống không dâng lời cảm tạ ? Người đã chết thì hết xưng tụng, vì nó không còn nữa ; chỉ người đang sống và khoẻ mạnh mới ca ngợi Đức Chúa.”

thêm một căn tính khác không thể thiếu được của Thiên Chúa đó là sự chính trực vốn là điều hiển nhiên và ai cũng biết. Tuy nhiên, trong “miền đất quên lãng” người chết không biết gì đến sự chính trực của Thiên Chúa bởi vì sự chính trực của Thiên Chúa không giúp họ được sống, trái lại dường như sự chính trực đó lại đang khiến cho người chết không bao giờ còn hy vọng thay đổi được kết quả của bản án Thiên Chúa đã phán quyết. Bên cạnh đó, cặp từ biến ngẫu “bóng tối” và “miền đất lãng quên” càng tô điểm thêm những hình dung của vịnh gia về “âm phủ”.<sup>19</sup> Như vậy, vịnh gia muốn khẳng định rằng người chết sẽ quên Thiên Chúa và Ngài sẽ không được họ nhận biết Ngài là Thiên Chúa nữa. Do đó, Thiên Chúa và quyền năng của Ngài sẽ bị giới hạn ở đời này, Ngài cũng sẽ bị “thiệt” nếu như để cho vịnh gia chết.

Như vậy, cả ba câu hỏi tu từ trên đã thể hiện tâm tư “thầm kín” của vịnh gia rằng ông muốn sống. Tâm tư này được thể hiện qua cách nói “mock” Thiên Chúa. Qua đó vịnh gia cho thấy ông không hề hỗn hay bất kính với Thiên Chúa. Trái lại, ba câu hỏi tu từ này cho thấy vịnh gia là người luôn hoàn toàn tin tưởng vào Thiên Chúa với tấm lòng đơn sơ chân thành.

### **III. Lời Mời Gọi Sống**

Sống ở đời, con người vẫn mang trong mình nhiều nỗi sợ. Thử hỏi rằng đâu là nỗi sợ khủng khiếp nhất mà con người phải đối diện. Qua lời của Tv 88 ta có thể nhận ra nỗi sợ Thiên Chúa bỏ rơi được xét như là nỗi sợ khủng khiếp nhất. Bởi vì, sự hiện hữu của con người liệu có nghĩa lý gì nếu không có Thiên Chúa đồng hành và yêu thương. Nỗi sợ này cũng thường xuất hiện khi con người bước qua ngưỡng cửa của cái chết. Thú vị thay, nỗi sợ Thiên Chúa bỏ rơi trong Tv 88 rất gần với cuộc sống hiện sinh của con người đặc biệt là người ki-tô hữu ngày nay.

---

19. Cách nói về một nơi chôn toàn là “bóng tối” hoặc “vùng đất bị lãng quên” khiến ta liên hệ đến bốn từ chỉ về tối tăm trong sách Gióp chương 10 câu 21 đến 22: “Trước khi con ra đi, không hẹn ngày trở lại, đi về nơi tăm tối, dưới bóng tử thần, nơi tăm tối, mịt mù, hỗn độn, nơi ánh sáng và bóng tối cũng như nhau” (x. G 10:21-22).

## 1. Ki-tô học – “Đức Ki-tô kinh nghiệm bị Chúa Cha bỏ rơi”

Chúa Giê-su nhập thể chia sẻ thân phận con người, Ngài cũng trải qua kinh nghiệm đối diện với sự chết để cứu chuộc con người. Tin Mừng diễn tả lại Chúa Giê-su hấp hối khi Ngài ở trong vườn Dầu: “Người bắt đầu cảm thấy buồn rầu xao xuyến” (Mt 26:37); Thậm chí thánh Luca diễn tả cơn hấp hối đè nặng lên Chúa Giê-su đến nỗi “mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất” (Lc 22: 44) và nhất là trên cây thập giá Ngài cũng đã thốt lên rằng “Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?” (Mc 15: 34). Như vậy, Chúa Giê-su đã thực sự phải chịu đau khổ cả thể xác lẫn tinh thần khi bước vào kinh nghiệm của cái chết trong thân phận con người. Tuy nhiên, Ngài luôn cầu nguyện, tin tưởng và phó thác vào Tình Yêu quan phòng của Chúa Cha. Đặc biệt, theo các nhà chú giải Kinh Thánh, trên thánh giá Chúa Giê-su đã cầu nguyện với Tv 22<sup>20</sup> “Lạy Chúa con thờ, muôn lạy Chúa, Ngài nữ lòng ruồng bỏ con sao? Dù con thảm thiết kêu gào, nhưng ơn cứu độ nơi nao xa vời!” Như vậy, qua lời cầu nguyện này, chính Chúa Giê-su đã chạm đến nỗi khốn cùng nhất của con người và Ngài đã thay mặt nhân loại kêu lên Chúa Cha với niềm cậy trông tín thác.

## 2. Thánh mẫu học – “Đức Maria trong kinh nghiệm sợ lạc mất Chúa”

Đức Maria cũng đã trải qua những biến cố khiến Mẹ đã thực sự cảm nhận những đau khổ khi bị chia cắt với Con của Mẹ. Mẹ đã lạc mất trẻ Giê-su khi đi hành hương lên đền thờ Giê-ru-sa-lem (Lc 2: 41-50). Đặc biệt trong câu nói của Mẹ với Chúa Giê-su đã toát lên nỗi lo lắng của Mẹ dành cho Chúa Giê-su, một kinh nghiệm sợ lạc mất trẻ Giê-su (Lc 2: 48). Và trong câu trả lời của Chúa Giê-su, Mẹ phải chấp nhận người con sẽ dần xa rời vòng tay chăm sóc và nâng niu của Mẹ (Lc 2:49). Những lời này thật khó hiểu nên Mẹ vẫn phải hằng suy đi nghĩ lại (Lc 2:19). Đây hẳn là nỗi đau khổ mà một người mẹ phải gánh chịu vì tình yêu bà dành cho đứa con. Đây cũng là biến cố đầu tiên Mẹ thực sự cảm nhận lời của cụ già Si-mê-on

---

20. X. CGKPV, *Kinh Thánh, Ấn bản 2011*, ibid., 2247.

đã nói bắt đầu được ứng nghiệm (x. Lc 2:35b). Quả thế, đỉnh cao của tình mẫu tử cũng được diễn tả qua nỗi thống khổ của Mẹ khi đứng dưới chân thập giá chứng kiến cái chết của Chúa Giê-su (x. Ga 19:25). Nhưng trong đau khổ, Mẹ vẫn tiếp tục nhận lãnh một sứ mạng mới mà Chúa Giê-su muốn trao phó cho Mẹ (x. Ga 19:26). Dưới chân thập giá, Mẹ tin tưởng và đón nhận sự sắp xếp của Chúa Giê-su khi trao Mẹ lại cho người môn đệ (x. Ga 19:27). Do đó, Mẹ Maria là mẫu gương của người sống Đức Tin trọn vẹn khi Mẹ lặp lại “xin vâng” dưới chân thập giá. Mẹ đã không sợ hãi khi đối diện với cái chết của Con Mẹ, trái lại Mẹ nhìn thấy cái chết như một sự thành toàn của thánh ý của Thiên Chúa. Như thế, nhờ vượt lên trên kinh nghiệm về chia lìa của cái chết Mẹ đã chạm tới sự kết nối của Thiên Chúa với nhân loại.

### 3. Nhân học Ki-tô giáo: Con người sợ hãi khi đối diện với cái chết

Cái chết đến từ đâu và tại sao lại khiến cho con người sợ hãi?<sup>21</sup> Trong quan niệm của Ki-tô giáo, cái chết đến từ tội lỗi. Chính vì phạm tội mà con người phải chết. Cái chết thể lý

---

21. Trong cuộc sống, cái chết khiến cho nhiều người lo sợ bởi vì con người không biết chuyện gì sẽ xảy ra sau ngưỡng cửa của cái chết. Nhưng cũng có nhiều người tin rằng chết không phải là hết, là đi vào cõi hư vô. Quan niệm tích cực và lạc quan đó được diễn tả trong quan niệm của Ki-tô giáo về con người là sự kết hợp giữa thân xác và linh hồn. Trong đó con người được đặt trong mối tương quan gắn bó mật thiết với TC. Khi đối diện với cái chết, cho dù thân xác có bị hư hoại thì linh hồn vẫn còn tồn tại và người đó vẫn còn tương quan với Thiên Chúa nhờ linh hồn vĩnh cửu. Sau khi chết, con người có thể được hưởng phúc Thiên Đàng ngay lập tức, nếu như khi sống ở đời này con người đó đặt niềm tin vào Chúa Giê-su. Do đó, khi đối diện với cái chết người ki-tô hữu luôn có niềm tin cậy tín thác vào Chúa Giê-su, Đấng đã trải qua cái chết và đã được sống lại. Đó chính là niềm hy vọng con người được sống lại và có thể được hưởng phúc Thiên Đàng với TC.

Tuy nhiên, cuộc sống đời này cũng liên hệ đến sự sống đời sau và giá trị của sự sống đời sau thì quan trọng hơn đời này (Lc 16: 26; Mt 9:25; Mc 8:36). Con người luôn được mời gọi không ngừng nỗ lực bắt chước Chúa Giê-su sinh nhiều hoa trái ở ngay tại đời sống trần thế này, nhờ đó họ được thưởng phúc Thiên Đàng đời sau. Mặt khác, khi con người phạm tội, ngay trần gian này con người là những tội nhân trước mặt Chúa thì họ cần phải được thanh luyện ở đời này và cả đời sau trước khi hưởng nhan thánh Chúa. Ví dụ: một người còn mắc tội, sau khi chết được thanh luyện ở luyện ngục. Ngược lại, những người đã có công phúc trước mặt Chúa ở đời này, họ cũng đã chịu những đau khổ mà cá nhân phải chịu không do lỗi của họ thì họ sẽ được Chúa thưởng phúc Thiên Đàng ở đời sau. Đặc biệt là những người chịu bắt bớ và đau khổ vì đạo Chúa thì sau khi qua khỏi đời này, họ được hưởng nhiều công phúc trước mặt TC. Ví dụ: các thánh tử đạo đã phải đổ máu và dùng cái chết của mình để làm chứng cho Chúa. Họ đã được phúc tử vì đạo và được Chúa ban thưởng phúc Thiên Đàng ngay.

được biểu hiện qua sự hư nát của thân xác. Cái chết linh hồn biểu hiện qua tình trạng con người phạm tội làm mất ân sủng của Thiên Chúa. Dù linh hồn của con người có tính vĩnh cửu nhưng vì hậu quả của tội lỗi mà linh hồn đó sống kể như đã chết. Vì thế, đã là con người thì ai cũng đều phải trải qua cái chết vì con người luôn phải mang lấy hậu quả của tội lỗi. Tuy nhiên con người được cứu và được trả về tình trạng ban đầu nhờ cái chết và sự phục sinh của Chúa Giê-su.<sup>22</sup> Vậy nỗi sợ thực sự xoay quanh “Cái chết thể lý” hay “cái chết linh hồn”?

Hầu hết con người sợ chết chỉ vì không muốn buông bỏ những gì mình đang có, đặc biệt là mạng sống. Những kẻ độc tài thường sử dụng bạo lực và chiến tranh để gieo rắc nỗi sợ chết cho con người. Tuy nhiên, Chúa Giê-su đã dạy cho các môn đệ rằng: “Anh em **đừng sợ** những kẻ giết thân xác... **hãy sợ** Đấng đã giết rồi, lại có quyền ném vào hỏa ngục.” (Lc 12: 4-5). Như vậy, con người thường sợ cái chết thể lý hơn cái chết linh hồn, nhưng Chúa Giê-su cho thấy cái chết linh hồn mới đáng phải lo sợ. Thiên Chúa có thể làm cho kẻ chết trỗi dậy, nhưng những kẻ cắt đứt tương quan với Thiên Chúa thì sẽ bị ném vào hỏa ngục.

### Kết Luận

Từ những điều đã được phân tích ở trên, sau đây là một vài điểm sáng đáng lưu ý của Tv 88. Thứ nhất, chúng ta có thể khẳng định Tv 88 thực sự đã diễn tả nỗi sợ lớn nhất của con người: “Sợ Thiên Chúa bỏ rơi khiến nói khích cả Thiên Chúa.” Thứ hai, tác giả Tv 88 đã dùng các biện pháp tu từ rất tinh tế để thể hiện mối tương quan giữa vịnh gia với Thiên Chúa như một người bạn thân thiết đủ tin tưởng để “nói khích”. Thứ ba, mặc dù Tv 88 không diễn tả niềm vui hay bất cứ niềm hy vọng nào, nhưng vẫn để lại những hình ảnh của sự “trung tín” vốn chỉ có nơi một người sống Đức Tin vững chắc.

---

22. <http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/THANHOC/77ThanHocCaiChet.htm> accessed 27 November 2020.



Khi đọc Tv 88 trong lăng kính hiện sinh người đọc dễ dàng cảm nhận được nỗi sợ tâm sinh lý đối với cái chết mà con người ai cũng phải trải qua, thậm chí là cả nỗi cô đơn khi bị bỏ rơi và cả những bất an của cuộc sống. Tuy nhiên, nếu đọc Tv 88 trong kinh nghiệm thiêng liêng thì Tv 88 lại như là một bằng chứng sống động về đời sống Đức Tin của người Do thái trong Cựu Ước. Một Đức Tin trưởng thành luôn sống niềm hy vọng vào Thiên Chúa ngay cả trong những lúc chẳng còn gì để hy vọng. Cũng vì thế, dường như Tv 88 dẫn người đọc đi qua một đường hầm tưởng chừng chẳng có lối thoát, nhưng người đi trên hành trình đó vẫn phải tiếp tục tin tưởng và bước tới Thiên Chúa ví tựa ánh sáng đang đón đợi ở cuối đường hầm.

Vì thế, Tv 88 vừa mang trong mình tâm tình thiêng liêng vừa rất gần với cuộc sống hiện sinh của con người. Nhờ sự nối kết giữa kinh nghiệm thiêng liêng và hiện sinh, cuộc sống con người<sup>23</sup> dù gian lao vất vả đến mấy cũng luôn có sự đồng hành của Thiên Chúa .

---

23. “Chung quanh bầu bạn chỉ là bóng đêm” Tv 88:18d theo bản KPA

## Thư Mục Tham Khảo

Boice, J. M. *Psalms*. Grand Rapids: Baker Books, 2005.

Day, J. *Psalms*. New York: T&T Clark, 1999.

Hoàng Đắc Ánh và Trần Phúc Nhân. *Như Hương Trâm*. HCM: Tủ sách Đại Kết, 1997.

Hossfeld, F-L. and Zenger, E. *Psalms 2: A Commentary on Psalms 51-100*. Second edition, edited by Baltzer, K. and translated by Maloney. Minneapolis: Fortress Press, 2005.

<http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/THANHOC/77ThanHocCaiChet.htm>

<https://biblehub.com/interlinear/psalms/88.htm>

<https://sjs.edu.vn/su-phat-trien-ve-quan-niem-thuong-phat-trong-truyen-thong-khon-ngoan-do-thai/>

*Kinh Thánh, Ấn Bản 2011*. Bản dịch và chú thích do Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Hà Nội: Nxb. Tôn Giáo, 2011.

Limburg, J. *Psalms*. Louisville: Westminster John Knox Press, 2000.

Ross, A. P. *A Commentary on the Psalms*. Grand Rapids: Kregel Publications, 2016.

Terrien, S. *The Psalms: Strophic Structure and Theological Commentary*. Grand Rapids: Eerdmans Publishing Co, 2003.

## Phụ lục

So sánh các bản văn Kinh Thánh

CGKPV: KT 2011	Cha Thuần	CGKPV: KT 2021	NIV	Bible World 10
<p><b>Tv 88 (87) Lời cầu xin trong lúc ngặt nghèo<sup>n</sup></b></p> <p><sup>2</sup>Lạy CHÚA là Thiên Chúa cứu độ con, trước Thánh Nhan, đêm ngày con kêu cứu.</p> <p><sup>3</sup>Nguyện cho lời kinh vọng tới Ngài, xin lắng nghe tiếng lòng thôn thức.</p> <p><sup>4</sup>Vì hồn con ngập tràn đau khổ, mạng sống con âm phủ<sup>o</sup> gần kề,</p> <p><sup>5</sup>thân kẻ như đã vào phân mộ, ví tựa người kiệt sức còn chi !</p>	<p><sup>2</sup> Yavê, Thiên Chúa cứu độ của tôi, thời tôi kêu la lúc đêm hôm trước mặt Người.</p> <p><sup>3</sup> Xin cho lời tôi nguyện thấu trước nhan Người, xin lắng tai nghe tôi rên xiết!</p> <p><sup>4</sup> Vì mạng tôi đã ứ đầy hoạn nạn và sinh kiếp tôi đã thấu lè âm phủ.</p> <p><sup>5</sup> Họ kẻ tôi như kẻ xuống mồ, tôi đã nên như người tận số.</p>	<p><b>Tv 88 (87) Lời cầu xin trong cơn khốn quẫn<sup>*</sup></b></p> <p><sup>2</sup>Lạy ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cứu độ con, ban ngày con kêu cứu, ban đêm ở trước Ngài.</p> <p><sup>3</sup>Ước chi lời cầu nguyện của con đến trước nhan Ngài, xin ghé tai Ngài đến tiếng kêu van của con.</p> <p><sup>4</sup>Vì hồn con đã đầy ứ đau khổ, vì mạng sống con<sup>o</sup> âm phủ gần kề,</p> <p><sup>5</sup>con được kẻ với những kẻ xuống mồ, giống như người không sự trợ giúp,</p>	<p><b>1 LORD, you are the God who saves me; day and night I cry out to you.</b></p> <p><b>2 May my prayer come before you; turn your ear to my cry.</b></p> <p><b>3 I am overwhelmed with troubles and my life draws near to death.</b></p> <p><b>4 I am counted among those who go down to the pit; I am like one without strength.</b></p>	<p><b>Psalm 88:1</b>          קרח למנצח על-מחלת לעגות משפיל להימו האזרחי:  <sup>2</sup> יהנה אלהי ישועתי יום-צעקתי בלילה נגדה:  <sup>3</sup> תבוא לפניך תפלתי הטח-אזנה לרנתי:  <sup>4</sup> כי-שבעה ברעות נפשי וחי לשאול הגיעו:  <sup>5</sup> נחשבתי עם-יורדי בור היתי כגבר איד-איל:</p>

<p><sup>6</sup>Con nằm đây giữa bao người chết, như các tử thi vùi trong mồ mà đã bị Chúa quên đi, và không được tay Ngài săn sóc.</p>	<p><sup>6</sup>Tôi bị giam giữa những thầy ma, như những tử thi nằm sâu trong mồ, những kẻ Người chẳng còn nhớ đến chúng đã bị chặt phăng dưới tay Người!</p>	<p><sup>6</sup>trong những người chết được tự do, như các tử thi nằm trong mồ mà, mà Ngài không còn nhớ đến họ nữa, và họ đã bị cắt đứt khỏi tay Ngài.</p>	<p><b>5</b> I am set apart with the dead, like the slain who lie in the grave, whom you remember no more, who are cut off from your care.</p>	<p><sup>6</sup>במתים חִפְּשִׁי כְמוֹ הַקְּלָיִם   שְׁכַבְתִּי לְקֶבֶר אֲשֶׁר לֹא זָכַרְתָּם עוֹד וְהִמָּה מִיָּדְךָ נִגְרָרוּ:</p>
<p><sup>7</sup>Chúa hạ con xuống tận đáy huyết sâu, giữa chôn tối tăm, giữa lòng vực thẳm.</p>	<p><sup>7</sup>Người đã chìm tôi xuống hố thẳm âm ti, trong chôn tối tăm, trong vực không đáy,</p>	<p><sup>7</sup>Ngài đặt con trong những huyết sâu, giữa những chôn tối tăm, giữa những vực thẳm.</p>	<p><b>6</b> You have put me in the lowest pit, in the darkest depths.</p>	<p><sup>7</sup>שִׁתַּנִּי בְּכּוּר תַּחְתּוֹת בְּמַחְשָׁכִים בְּמַצְלוֹת:</p>
<p><sup>8</sup>Con giận Chúa đè nặng thân con như <sup>o</sup>sóng cồn xô đẩy dập vùi.</p>	<p><sup>8</sup>trên tôi, án thịnh nộ Người dẫn xuống ba đào của Người, Người trút tất cả.</p>	<p><sup>8</sup>Trên con con lồi đình của Ngài đè nặng, và Ngài dập vùi bởi mọi <sup>o</sup>sóng cồn của Ngài.</p>	<p><b>7</b> Your wrath lies heavily on me; you have overwhelmed me with all your waves.</p>	<p><sup>8</sup>עָלַי סִמְכָה חֲמָתְךָ וְכָל-מְשַׁבְּרֵיךָ עָגְיָתָ סֶלָה:</p>
<p><sup>9</sup>Chúa làm cho bạn bè xa lánh và coi con như đồ ghê tởm. Con bị giam cầm không thể <sup>o</sup>thoát ra,</p>	<p><sup>9</sup> Cớ tri với tôi, Người cũng cho họ lảng xa, làm họ coi tôi như đồ nhòem tởm, nhốt lại một nơi đâu còn có thể đi ra,</p>	<p><sup>9</sup>Ngài làm cho những kẻ quen biết con <sup>o</sup>xa lánh con, Ngài đặt con thành đồ ghê tởm cho họ, con bị <sup>o</sup>giam cầm không thể thoát ra,</p>	<p><b>8</b> You have taken from me my closest friends and have made me repulsive to them. I am confined and cannot escape;</p>	<p><sup>9</sup>הֲרַתַּקְתָּ מִיָּדַי מִיְּמֵי שִׁתַּנִּי תוֹעֵבוֹת לְמוֹ כָּלֵא וְלֹא אֲצֵא:</p>
<p><sup>10</sup>mắt mờ đi vì quá nhiều đau khổ.</p>	<p><sup>10</sup> mắt đã lờ đờ vì bao gian khổ.</p>	<p><sup>10</sup>mắt con mờ đi vì sự khốn khổ của mình.</p>	<p><b>9</b> my eyes are dim with grief. <b>I call to you, LORD, every day; I</b></p>	<p><sup>10</sup>עֵינַי דָּאֲבָה מִיָּי עֲנֵי קְרֹאתֶיךָ יְהוָה בְּכָל-יּוֹם שִׁטְחֹתִי אֵלֶיךָ כַּפִּי:</p>

<p>Lạy CHÚA, suốt cả ngày con kêu lên Chúa và giơ tay hướng thẳng về Ngài.</p> <p><sup>11</sup>Chúa đâu làm phép lạ cho người đã mạng vong, âm hồn đâu trỗi dậy ca tụng Chúa bao giờ ?</p> <p><sup>12o</sup>Trong mồ mả, ai nói về tình thương của Chúa ? Cõi âm ty, ai kể lại lòng thành tín của Ngài P ?</p> <p><sup>13</sup>Những kỳ công Chúa, nơi tối tăm ai rõ ? Đức công chính Ngài, chôn quên lãng ai hay ?</p> <p><sup>14</sup>Phần con đây, con kêu lên Ngài, lạy CHÚA, mới tỉnh</p>	<p>Suốt ngày tôi kêu lên với Người, lạy Yavê, hướng lên Người, tôi dương tay khẩn vái.</p> <p><sup>11</sup> Đẽ đâu vong nhân được Người làm cho phép lạ, hay bóng ma sẽ chỗi dậy mà ngợi khen Người?</p> <p><sup>12</sup> Đẽ đâu tự đáy mồ có kẻ doãn lại ơn Người, và sự thật của Người ở chôn diệt vong?</p> <p><sup>13</sup> Đẽ đâu trong tối tăm có kẻ biết đến sự lạ Người làm, và đức công chính của Người nơi vong địa?</p> <p><sup>14</sup> Còn tôi, tôi kêu cứu với Người, lạy Yavê, tăng sáng lời tôi nguyện đã chực hầu Người.</p>	<p>Lạy ĐỨC CHÚA, suốt cả ngày con kêu lên Ngài, và giơ đôi bàn tay con hướng về Ngài.</p> <p><sup>11</sup>Phải chẳng °Ngài sẽ làm điều kỳ diệu cho những người chết, hay những âm hồn sẽ trỗi dậy đề °ngợi khen Ngài ?</p> <p><sup>12</sup>Người ta có kể về tình thương * của Ngài trong mồ mả, và lòng thành tín của Ngài trong cõi °âm ty * không ?</p> <p><sup>13</sup>Người ta có biết việc kỳ diệu của Ngài trong bóng tối, và sự chính trực của Ngài trong miền đất quên lãng ?</p> <p><sup>14</sup>Phần con đây, con cầu cứu Ngài, lạy ĐỨC CHÚA, vào buổi sáng,</p>	<p>spread out my hands to you.</p> <p><b>10</b> Do you show your wonders to the dead? Do their spirits rise up and praise you?</p> <p><b>11</b> Is your love declared in the grave, your faithfulness in Destruction ?</p> <p><b>12</b> Are your wonders known in the place of darkness, or your righteous deeds in the land of oblivion?</p> <p><b>13</b> But I cry to you for help, LORD; in the morning my prayer comes before you.</p>	<p><sup>11</sup> הַלְמֹתִים תַּעֲשֶׂה-יִפְלֵא אִם-יִפְאֵיִם יְקוּמוּ יוֹדוּךָ סֵלָה:</p> <p><sup>12</sup> הַיִּסְפָּר בְּקִבְרֵךְ חֶסֶדְךָ אֱמוּנָתְךָ בְּאֲבָדוֹן:</p> <p><sup>13</sup> הַיִּנְדַע בְּהַשְׁךְ פְּלֹאֵךְ וְצַדִּיקְתְּךָ בְּאֶרֶץ נִשְׁכַּח:</p> <p><sup>14</sup> וְאֲנִי אֶלֶיךָ יְהוָה שֹׁנְעֵתִי רִבְבֹקָר תִּפְלְתִי תִקְדָּמְךָ:</p>
--	---	---	--	---

<p>sương đã chờ chực nguyện xin.</p> <p><sup>15</sup>Lạy CHÚA, thân con đây, Chúa nữ nào ruồng rẫy, ẩn mặt đi mà chẳng đoái hoài.</p> <p><sup>16</sup>Từ thuở bé, con khổ đã nhiều và luôn ngắc ngoải, Chúa làm con kinh hãi, con hoá ra thần thờ.</p> <p><sup>17</sup>Bao con thịnh nộ, Ngài đổ ngập thân con, bấy nỗi kinh hoàng khiến con rời rã.</p> <p><sup>18</sup>Bủa vây con suốt ngày ngàn ấy thứ, dồn dập tư bề như nước bao la.</p> <p><sup>19</sup>Cận thân Chúa khiến 0lìa xa, chung quanh bầu bạn chỉ là bóng đêm.</p>	<p><sup>15</sup> Nhân sao, lạy Yavê, Người lại từ rẫy mạng tôi, và đối với tôi Người cứ ẩn mặt?</p> <p><sup>16</sup> Tôi, con người khôn khó và hấp hối từ hồi bé thơ, kinh hoàng của Người tôi hứng lấy, làm ẽ âm cả mình.</p> <p><sup>17</sup> Những trận lôi đình của Người tới tấp trên tôi, hãi hùng của Người làm tôi chết điếng.</p> <p><sup>18</sup> suốt ngày chúng bao quanh tôi như sóng nước, tất cả một trật chúng siết lại bên tôi.</p> <p><sup>19</sup> Thiết nghĩa bạn bè, Người tách xa tôi, bầu bạn với tôi chỉ còn bóng tối!</p>	<p>lời cầu nguyện của con đã đến ở trước Ngài.</p> <p><sup>15</sup>Lạy ĐỨC CHÚA, tại sao Ngài bỏ rơi hồn con, Ngài giấu mặt Ngài khỏi con ?</p> <p><sup>16</sup>Từ thuở thanh xuân, con khôn khổ và luôn ngắc ngoải, phải mang lấy sự kinh hoàng của Ngài, con hoá ra thần thờ.</p> <p><sup>17</sup>Những cơn giận của Ngài đã tràn qua trên con, những nỗi kinh hoàng của Ngài đã tiêu diệt con ;</p> <p><sup>18</sup>chúng bao vây con như nước suốt ngày, chúng cùng nhau bủa vây con.</p> <p><sup>19</sup>Ngài đã làm cho người yêu và người bạn xa 0lánh con ; những kẻ biết con là nơi tối tăm.</p>	<p><b>14</b> Why, LORD, do you reject me and hide your face from me?</p> <p><b>15</b> From my youth I have suffered and been close to death; I have borne your terrors and am in despair.</p> <p><b>16</b> Your wrath has swept over me; your terrors have destroyed me.</p> <p><b>17</b> All day long they surround me like a flood; they have completely engulfed me.</p> <p><b>18</b> You have taken from me friend and neighbor—darkness is my closest friend.</p>	<p><sup>15</sup> לָמָּה יְהוָה תִּזְנַח בְּפָנָי תִּסְתֵּיר פְּנֵיךָ מִמֶּנִּי:</p> <p><sup>16</sup> עֲנִי יְנִי אֲנִי וְגִנַּע מִצְעַר נִשְׁאַתִּי אִמְךָ אֶפְוֶנָה:</p> <p><sup>17</sup> עָלַי עָבְרוּ חַרוֹנֶיךָ בְּעוֹתֹתַי צָמַתּוּתִנִּי:</p> <p><sup>18</sup> סָבְוִנִי בְּמַיִם כָּל־הַיּוֹם הִקִּיפוּ עָלַי יָחַד:</p> <p><sup>19</sup> הִרְתַּקְתָּ בְּמִנְי אֶהָב וְרָע מִיָּדַעִי מִחֻשָּׁף:</p> <p>(Ps. 88:1-19 WTT)</p>
--	---	---	--	---